

Bản án số:17/2021/HS-PT
Ngày: 17- 5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Kim Châu
Ông Nguyễn Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Võ Thành T do có kháng cáo của bị cáo Võ Thành T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thành T, sinh năm 1995 tại tỉnh T. Nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Con ông Võ Văn H và bà Phan Thị Thùy L; Vợ tên Nguyễn Thị Linh T; Con có 01 người, sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo Võ Thành T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/9/2020 đến nay tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do không có kháng cáo, không có kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 08/07/2020, khi đang ở nhà trọ tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T thì Huỳnh Tấn G gọi điện thoại cho Võ Thành T kêu T rước G về nhà T, trọ tại ấp Vĩnh L, xã Hòa T, huyện C, tỉnh T để chơi. Lúc này, T liền điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 84F6-5490 của Nguyễn Văn S (cha vợ của T)

đến để rước G về nhà của mình, chơi được một lúc thì T chở G về nhà của G. Đến khoảng 02 giờ 45 phút, ngày 08/7/2020, G từ nhà đi đến chợ H mục đích lấy trộm tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đến tiệm tạp hóa của Nguyễn Thị Như B, tại ấp Bích T, xã H, huyện C, tỉnh T thì G thấy ổ khóa ngoài nên G kéo cửa hở một đoạn rồi chui vào bên trong. Vào đến nơi, G quan sát không thấy ai trông coi nên G đi đến tủ, kéo giật ngăn tủ ra thì phát hiện có nhiều tiền và vàng, G lấy một bao nilong loại bao đựng gạo có sẵn trong tiệm rồi lấy tiền, vàng bỏ vào trong bao, sau đó G lên tầng 2 mở cửa rồi tẩu thoát ra ngoài. G đem tài sản trộm được cất giấu tại nhà mình, sau đó G gọi điện thoại kêu T đến rước về nhà của T và nói *“Hôm nay em trúng mảnh được mười mấy triệu”*, T liền hỏi *“mày trúng mảnh gì”* thì G nói *“mới lấy được bên đường D5”*. Nghe điện thoại xong, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84F6-5490 đến rước G, về đến nhà của T thì G đổ từ trong bao ra các tài sản vừa trộm được, khi thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá nhỏ thì T biết G lấy trộm tài sản của người khác và lấy ở tiệm tạp hóa nên T hỏi G lấy ở tiệm tạp hóa phải không thì G nói *“Em không có lấy trộm tại tiệm tạp hóa, em lấy bên đường D5, anh đừng hỏi nhiều lo điếm tiền đi chút nữa em cho tiền cà phê”*. Sau khi kiểm đếm xong thì được số tiền 22.970.000 đồng và số vàng gồm: 01 (một) lắc đeo tay, loại vàng 18k, có trọng lượng 8,5 chỉ; 01 (một) lắc đeo tay, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,0 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,0 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,7403 gam; 01 (một) chiếc bông tay, loại vàng 18k, có trọng lượng 0,2 chỉ, ngoài ra còn nhiều tờ tiền mệnh giá nhỏ. G cho T số tiền 4.500.000 đồng, riêng vàng và số tiền còn lại thì G cất giữ.

Đến sáng ngày 08/7/2020, G đưa 01 (một) sợi dây chuyền, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,0 chỉ; 01 (một) chiếc bông tay, loại vàng 18k, có trọng lượng 0,2 chỉ và nhiều tờ tiền mệnh giá nhỏ cho T, kêu T bán số vàng nói trên và đổi tiền mệnh giá nhỏ sang mệnh giá lớn dùm sau đó G sẽ cho *“tiền cà phê”*, đồng thời G cho T 01 (một) sợi dây chuyền, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,7403 gam để cho con của T đeo. Lúc này, T kêu Nguyễn Thị Linh T (là vợ của T) đi bán vàng và đổi tiền dùm, T có nói số tiền và vàng là của G nhưng không cho T biết về nguồn gốc số tiền và vàng mà G có được là do trộm mà có. Khi T đi khỏi nhà thì G tiếp tục đưa và kêu T bán 01 (một) lắc đeo tay, loại vàng 18k, có trọng lượng 8,5 chỉ; 01 (một) lắc đeo tay, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,0 chỉ, đồng thời cho T nhiều tờ tiền mệnh giá nhỏ còn lại trong bao (số tiền 2.067.500 đồng) rồi G mượn xe mô tô biển kiểm soát 84F6-5490 chạy đi chơi. Sau đó, T đi đến Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh T đổi tiền được 1.992.000 đồng, T đưa thêm 8.000 đồng cho nhân viên ngân hàng để đổi lấy 2.000.000 đồng. Khi đổi tiền xong, T đến tiệm vàng V, tại khóm 2, phường 3, thành phố T, tỉnh T bán số vàng nói trên được 1.790.000 đồng. Có được tiền, T về đưa hết cho T cất giữ, đồng thời T đưa tiếp 02 lắc vàng nói trên cho T đến tiệm vàng tại thành phố T (T không rõ tên tiệm và địa chỉ cụ thể) bán được 21.850.000 đồng, số tiền có được T về đưa hết cho T cất giữ. Đến khoảng 05 giờ, ngày 08/7/2020, Nguyễn Thị Như B phát hiện bị mất trộm tài sản tại tiệm tạp hóa của mình nên trình báo Công an xã H. Tại Cơ quan điều tra thì Võ Thành T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận giám định số 3716/C09B ngày 30/7/2020 của Viện khoa học hình sự - Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố H kết luận: 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng gửi giám định có thành phần vàng (Au) 62,76%, bạc (Ag) 18,42%, khối lượng 1,7403gam.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 25/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh T kết luận: 01 (một) lắc đeo tay, loại vàng 18k, có trọng lượng 8,5 chỉ; 01 (một) lắc đeo tay, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,0 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,0 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,7403 gam; 01 (một) đôi bông tay, loại vàng 18k, có trọng lượng 0,4 chỉ của Nguyễn Thị Như B tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 35.796.600 đồng.

- Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thu giữ: Số tiền 32.207.500 đồng do Võ Thành T giao nộp, 01 (một) sợi dây chuyền, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,7403 gam; số tiền 18.110.000 đồng và 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 84F6-5490, số khung VKVPCG0011L0000725, số máy VKV1P50FMG30104725 do Huỳnh Tấn G giao nộp. Đã trả lại cho Nguyễn Thị Như B: số tiền 50.309.500 đồng và 01 (một) sợi dây chuyền, loại vàng 18k, có trọng lượng 1,7403 gam; trả lại cho Nguyễn Văn S: 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 84F6-5490 nói trên; trả lại cho Nguyễn Thị Linh T số tiền 8.000 đồng nên không xem xét xử lý.

Bị cáo Võ Thành T bị khởi tố và truy tố theo quy định pháp luật. Đối với Huỳnh Tấn G do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thành T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thành T 01 (Một) năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/01/2021 bị cáo Võ Thành T có đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện C xin được hưởng án treo.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các tài liệu trong hồ sơ vụ án, phân tích nguyên nhân hậu quả và hành vi phạm tội của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

Lời nói sau cùng của bị cáo Võ Thành T: Xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Thành T là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời khai nhận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Võ Thành T khai nhận vào khoảng 3 giờ 30 phút, ngày 08/7/2020 tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh T, sau khi Huỳnh Tấn G trộm cắp tài sản gồm tiền và vàng của bị hại Nguyễn Thị Như B, với trị giá 62.826.100 đồng thì bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 84F6-5490 đến rước G về nhà bị cáo. Tại đây bị cáo cùng với G đếm vàng và tiền do G trộm cắp được mà có, bị cáo biết rõ đây là tài sản do G trộm của người khác mà có nhưng bị cáo vẫn có hành vi giúp G trong việc đổi tiền (1.992.000 đồng) và bán vàng (số tiền 33.705.000 đồng) mà G trộm được. Đồng thời bị cáo T còn nhận 6.567.500 (sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng) và 01 sợi dây chuyền, loại vàng 18K, có trọng lượng 1,7403 gam, trị giá 1.461.600 (một triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm đồng) do G trộm mà có. Tổng số tiền mà bị cáo T tiêu thụ trong vụ án này là 43.726.100 đồng (bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn một trăm đồng); lời khai này của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là nhất quán nhau không thay đổi và lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra (BL 108; 123; 125; 126) là do bị cáo tự khai không bị ép buộc, xúi dục, dụ dỗ hay bị đánh đập như vậy có căn cứ xác định các lời khai của bị cáo là hoàn toàn khách quan, trung thực và phù hợp với các lời khai của Huỳnh Tấn G, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tang vật chứng thu giữ được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là chính xác, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, qua tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị cáo biết rất rõ “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ tài sản tiêu thụ là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, tình hình trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh T thời gian gần đây xảy ra liên tục và rất nhiều, làm cho đời sống của người dân không an tâm và rất phẫn nộ. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên chỉ xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tình tiết nào mới theo pháp luật quy định để Hội đồng xét xử làm căn cứ xin giảm nhẹ hình phạt.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí: Bị cáo Võ Thành T phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Võ Thành T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

Tuyên bố: bị cáo Võ Thành T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Thành T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo Võ Thành T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Sở Tư pháp;
- Đăng Công TTĐT;
- Bị cáo;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Mến